

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2020
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh A**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị D**

Ông **Nguyễn Văn K**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị N** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Huyền T** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX-ST ngày 02/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phạm Tường V**; sinh năm: 1988; ĐKKH và hiện ở tại: Thôn X, xã S, huyện T, Thành phố Hà Nội; (có mặt)

*** Bị đơn:** Anh **Doãn Hoàng N**; sinh năm: 1982; ĐKKH và hiện ở tại: Số 133A đường D, phường C, quận H, Hà Nội; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai ngày 06/12/2019; biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/02/2020 và ngày 02/3/2020; nguyên đơn – chị Phạm Tường V trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Doãn Hoàng N tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, thành phố Hà Nội ngày 09/11/2010. Sau khi kết hôn anh chị về nhà bố mẹ anh N ở tại 133A đường D, phường C, quận H, thành phố Hà Nội để sinh sống. Quá trình chung sống được 2 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không có trách nhiệm với gia đình vợ con, không chu cấp tiền cho chị nuôi con và sinh hoạt gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N nợ nần nhiều người. Năm 2012 chị đã đưa đơn ra Tòa án xin ly hôn anh N, nhưng

được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về vợ chồng đoàn tụ và sống tại gia đình bố mẹ chị tại thôn X, xã S, huyện T, Hà Nội, song tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Do mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài không thể giải quyết được, nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 2/2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa, mỗi người về sống với bố mẹ đẻ của mình. Nay tình cảm không còn chị kiên quyết xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là: Doãn Bảo F; sinh ngày 29/4/2011 (nữ), chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản; bất động sản) và công nợ chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên chị V không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

** Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:*

- Ngày 13/02/2020 Tòa án nhân dân quận H đã lấy lời khai của bà Lê Kim T; sinh năm: 1963 là mẹ đẻ của chị V: Bà T cho Tòa án biết: Chị V và anh N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với năm 2010. Thời gian đầu khi kết hôn chị V và anh N về nhà bố mẹ anh N tại 133A đường D để sinh sống. Đến năm 2011 chị V sinh con thì chị V về nhà bà ở, thỉnh thoảng anh N có qua lại thăm vợ con. Khoảng năm 2018 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, lúc đó có người đến nhà bà đòi nợ do anh N vay, bà không biết anh N vay tiền làm gì. Nay bà được biết chị V xin ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân quận H thì quan điểm của bà là tùy anh chị quyết định, và Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của chị Phạm Tường V và anh Doãn Hoàng N tại tổ dân phố số 37 phường C, H, Hà Nội ngày 14/02/2020, bà Lại Thị Hương G – Tổ phó tổ dân phố xác nhận anh Doãn Hoàng N hiện đang ở tại địa chỉ 133A phố D, phường C, quận H, Hà Nội. Quá trình chị V và anh N sống tại đây ban ngày anh chị đi làm nên ít khi gặp anh chị ở nhà nên về phía tổ dân phố không nắm được anh chị có mâu thuẫn gì, chỉ nghe nói cách đây khoảng 7-8 năm anh chị có trục trặc về tình cảm không biết Tòa án đã giải quyết như thế nào, và hiện nay thì không thấy chị V sống tại nhà anh N nữa. Nay Tòa án đến xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị thì tổ dân phố mới biết anh chị ra Tòa ly hôn lần 2. Về phía tổ dân phố có quan điểm là đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con, nếu không được thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Tường V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Doãn Hoàng N; về con chung anh chị

có 01 con chung là Doãn Bảo F (nữ) chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản, nhà đất ở, công nợ chung: Chị V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Doãn Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa.**

* Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 21, 28, 35, 39, 147, 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Xử:

-Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Tường V và anh Doãn Hoàng N.

-Về con chung: anh chị có 01 con chung là Doãn Bảo F (nữ) giao chị V tiếp tục nuôi con và ghi nhận tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

-Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị V khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về công nợ chung: Chị V khai anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Tường V có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Doãn Hoàng N. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Doãn Hoàng N cư trú tại số 133A D, phường C,

quận H, thành phố Hà Nội, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận H, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Tường V có mặt. Bị đơn là anh Doãn Hoàng N vắng mặt. Đối với anh N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo đến Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần); quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, song anh N vẫn vắng mặt không lý do. Việc anh N không đến Tòa án để giải quyết điều đó chứng tỏ anh N đã cố tình gây khó khăn cho chị V trong việc ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị V và anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C ngày 09/11/2010 là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị V và anh N chỉ hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N không chia sẻ trách nhiệm với chị V, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N không chu cấp tiền cho chị nuôi con và sinh hoạt trong gia đình, mặt khác anh còn nợ nần người ngoài nên mâu thuẫn vợ chồng không tự giải quyết được. Do mâu thuẫn như vậy nên năm 2012 chị V đã đưa đơn ra Tòa xin ly hôn anh N, sau khi được Tòa án hòa giải phân tích pháp luật chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, song tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế hôn nhân anh chị đã không tồn tại từ tháng 02/2019 khi anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trong thời gian ly thân, mỗi người đều đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, không liên lạc với nhau nên không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, do vậy chị V cương quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Do cuộc sống chung vợ chồng giữa chị V và anh N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V yêu cầu được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Doãn Bảo F; sinh ngày 29/4/2011 (nữ), chị V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ tháng 2/2019 chị V và anh N đã sống ly thân, chị V vẫn nuôi dạy con chu đáo, con chung của anh chị vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường, chị V có làm việc ổn định tại Bệnh viện Bạch Mai, có thu nhập đảm

bảo để nuôi con. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo cho con chung của anh chị có đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất nên chấp nhận yêu cầu của chị V, tiếp tục giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Doãn Bảo F. Ghi nhận tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh N theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- Về tài sản, nhà đất ở chung: Chị V khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị V khai không nợ ai, không ai nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Điều 28, 35, 39, 147, 192, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- 1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Tường V được ly hôn anh Doãn Hoàng N.
- 2.Về con chung: Xác nhận chị V và anh N có 01 con chung là: Doãn Bảo F; sinh ngày 29/4/2011 (nữ). Giao con chung cho chị Phạm Tường V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ tháng 5/2020 đến năm con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Thái có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh N nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

3. Về tài sản chung: (gồm động sản và bất động sản): Chị V khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. Về công nợ chung: Chị V khai anh chị không nợ ai và không ai vay nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Tường V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003384 ngày 25/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hà Nội.

Chị V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thanh A